

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/2024/NSVN-TP

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH NU SKIN ENTERPRISES VIỆT NAM.

Địa chỉ: Tầng 2, 280 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 02839324300

Fax: . 02839320035

E-mail: tnle@nuskin.com

Mã số doanh nghiệp: 0311355044

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: (Không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung TRME GO PROTEIN+

2. Thành phần: Protein Đậu Nành Phân Lập, Isomaltulose (chất tạo ngọt), Bột Kem Thực Vật, Fructose (chất tạo ngọt), Bột Chiết Xuất Trà Đen, Gôm Arabic (chất làm dày), Mật Ri Đường (chất tạo ngọt), Glucomannan, Hương Trà Đen (hương liệu tự nhiên), Gôm Xanthan (chất làm dày), Maltodextrin, Protease, Hương Vani (hương liệu tự nhiên), Gôm Cellulose (chất làm dày), Steviol Glycosid (chất tạo ngọt).

Sản phẩm có chứa thành phần từ sữa, đậu nành và dừa.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất; Số lô, ngày sản xuất, hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 15 gói/hộp; Khối lượng tịnh: 330g/hộp (15 gói/hộp x 22g/gói).
- Chất liệu bao bì: sản phẩm chứa trong gói màng nhôm và được để trong hộp giấy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất): MORETH SDN. BHD.; NO 11, TINGKAT 1, JALAN TP5, TAMAN PERINDUSTRIAN UEP, 47620 SUBANG JAYA, SELANGOR, MALAYSIA.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 7 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC



BUI QUỐC THẮNG





Mặt 1

Mặt 2



TRME™
GO

THỰC PHẨM BỔ SUNG

PROTEIN+



HƯƠNG VỊ TRÀ
KHỐI LƯỢNG: 22 g/Gói



Bổ sung protein và năng lượng cho người trưởng thành.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Lấy 150ml nước vào bình lắc. Đổ 1 gói sản phẩm vào bình và lắc kỹ cho đến khi bột tan hoàn toàn.

BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh nhiệt và ánh nắng mặt trời trực tiếp.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: 15 gói/hộp: **KHỐI LƯỢNG TÍNH:** 230g/hộp (15 gói/hộp x 22g/gói).

Bảng Dinh Dưỡng

Khẩu phần: 1 gói (22g)

Số khẩu phần trong mỗi hộp: 15

	Giá trị dinh dưỡng	% Giá trị*
Năng lượng	202 kcal	40%
Chất đạm (Protein)	21.2g	42.4%
Carbohydrat	3.1g	6.2%
Đường tổng số	0.1g	0.2%
Chất béo	1.4g	2.8%
Natri	120 mg	2.4%

Thành phần

Protein Dâu tằm (Phân lập, Isomaltulose (chất tạo ngọt), Bột Kean Thực vật, Fructose (chất tạo ngọt), Bột Chất xuất Tra Đen, Gôm Arabic (chất làm dày), Mật rỉ Đường (chất tạo ngọt), Alcumannan, Hương Trà Đen (hương liệu tự nhiên), Gôm Xanthan (chất làm dày), Xanthanin, Fructose, Hương Vanille, Hương Hoa Si-men, Gôm Cellulose (chất làm dày), Sucralose (chất tạo ngọt)).

Sản phẩm có chứa thành phần dị ứng, các nhân và đậu.

Lưu ý: Để sử dụng sản phẩm, đổ bột vào cốc và thêm nước lọc hoặc sữa vào, khuấy đều và uống ngay. Sản phẩm này không nên dùng để thay thế bữa ăn. Sản phẩm này không nên dùng để thay thế bữa ăn. Sản phẩm này không nên dùng để thay thế bữa ăn.

Số lot:

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:



XUẤT XẾ: MALAYSIA
SỞ SẢN XUẤT: BUKU MUKTI, SIDA, BUKU, HỒ 11, TINGKAT 1, JALAN TES, TAMAN PERINDUSTRIAN LEP, 47000 SERANG, JAYA.
THƯƠNG HIỆU: PHARMANEX. PHÂN PHỐI VÀ CHỈ TRÁCH NHIỆM VỀ SẢN PHẨM: CÔNG TY TNHH NUSKIN ENTERPRISES VIỆT NAM, 230 VAM KẾ KHUÊ NGHIA, PHƯỜNG VĨNH SAU, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH.
PHÂN PHỐI ĐỘC QUYỀN TẠI VIỆT NAM: PHARMANEX VIỆT NAM, 230 VAM KẾ KHUÊ NGHIA, PHƯỜNG VĨNH SAU, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH.
GOLDEN NUTRITION PRODUCTS, INC. - MALAYSIA

53 020393 945177031

TRIME™

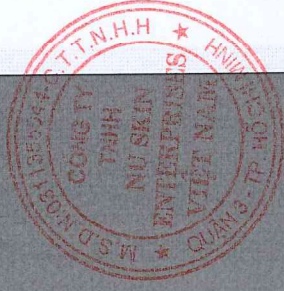
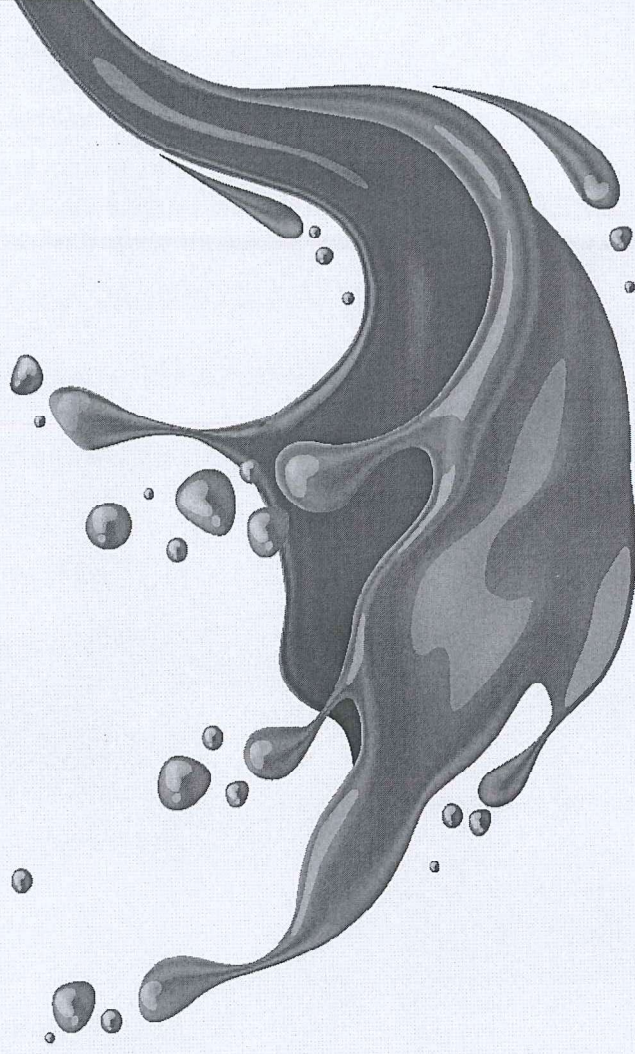
GO

PHARMANEX®

THỰC PHẨM BỔ SUNG

PROTEIN+

HƯƠNG VỊ TRÀ
KHỐI LƯỢNG: 22 G/GÓI



Mat 1

Ngặt 2

Bổ sung protein và năng lượng cho người trưởng thành.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Lấy 150ml nước vào bình lắc. Đổ 1 gói sản phẩm vào bình và lắc kỹ cho đến khi bột tan hoàn toàn.

BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh nhiệt và ánh nắng mặt trời trực tiếp.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: 15 gói/hộp; **KHỐI LƯỢNG TÍNH:** 330g/hộp (15 gói/hộp x 22g/gói).



Bảng Dinh Dưỡng

Khẩu phần: 1 gói (22g)
Số khẩu phần trong mỗi hộp: 15

	Mỗi khẩu phần 22g	Mỗi 100g
Năng lượng	90 kcal	409 kcal
Chất đạm (Protein)	9.9 g	45.1 g
Carbohydrat	9.4 g	42.6 g
Đường tổng số	6 g	22 g
Chất béo	1.4 g	6.5 g
Natri	120.3 mg	547 mg

Thành phần:

Protein Đậu Nành Phân Lập, Isomaltulose (chất tạo ngọt), Bột Kem Thực Vật, Fructose (chất tạo ngọt), Bột Chiết Xuất Trà Đen, Gôm Arabic (chất làm dày), Mật Ri Đường (chất tạo ngọt), Glucomannan, Hương Trà Đen (hương liệu tự nhiên), Gôm Xanthan (chất làm dày), Maltodextrin, Protease, Hương Vani (hương liệu tự nhiên), Gôm Cellulose (chất làm dày), Steviol Glycosid (chất tạo ngọt).

Sản phẩm có chứa thành phần phân tử sữa, đậu nành và dừa.

Lưu ý: Để xa tầm tay trẻ em. Đối với phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú và những người đã được chẩn đoán về tình trạng sức khỏe cụ thể nên tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi sử dụng. Không sử dụng cho người có mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm.

Số lô:

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:



XUẤT XỨ: MALAYSIA
SẢN XUẤT BỞI: MORETH SDN. BHD., NO 11, TINGKAT 1, JALAN TP5, TAMAN PERINDUSTRIAN UEP, 47620 SUBANG JAYA, SELANGOR, MALAYSIA.
THƯƠNG NHÃN NHẬP KHẨU, PHÂN PHỐI VÀ CHIU TRÁCH NHIỆM VỀ SẢN PHẨM: CÔNG TY TNHH NU SKIN ENTERPRISES VIỆT NAM; 280 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, PHƯỜNG VÕ THỊ SÁU, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH.
PHÂN PHỐI ĐỘC QUYỀN BỞI NHÀ PHÂN PHỐI DO NU SKIN ENTERPRISES ỦY QUYỀN.
©2021, 24 NSE PRODUCTS, INC. NUSKIN.COM

53 002993 94517700/1

Date: 05/01/2024

PRODUCT SPECIFICATION

Product Name : TRME GO Protein+

1. Product Information

Type	Finished Good
Shelf life	24 months from the manufacturing date
Packing	22g per sachet. 15 sachets per unit box.
Country of Origin	Malaysia
Storage Conditions	Store in cool and dry place. Keep away from heat and direct sunlight.
Serving Direction	Pour 150ml of water in a shaker jar. Add 1 sachet and shake vigorously until all powder is dissolved.

2. Physical Properties

Tests	Specification
Appearance	Dry loose powder
Colour	Light to medium brown powder
Taste & Odor	Pearl milk tea taste
Net weight per sachet	Min. 22g
Net weight per box	Min. 330g

3. Chemical Properties

Tests	Specification	Test Method
Moisture Content	≤5%	Moisture Analyzer Infrared (5g at 105°C for 10 mins)
Protein, as is	≥9.5g/ 22g	AOAC 972.43

4. Heavy Metals

Parameter	Acceptable Range	Test Method
Arsenic (As)	≤ 1.0 mg/kg	ICP / AAS
Lead (Pb)	≤ 1.0 mg/kg	ICP
Mercury (Hg)	≤ 0.02 mg/kg	ICP / AAS
Cadmium (Cd)	≤ 0.3 mg/kg	ICP
Antimony (Sb)	≤ 1.0 mg/kg	ICP
Tin (Sn)	≤ 40.0 mg/kg	ICP

5. Microbe Tests

Parameter	Acceptable Range	Test Method
Total Aerobic Count	≤ 3000 cfu/g	FDA BAM
Total Yeast and Mold Count	≤ 100 cfu/g	FDA BAM
Total Coliform Count	≤ 10 cfu/g	AOAC 991.14
<i>Escherichia. coli</i>	Absent in 1g	BP 2015
<i>Salmonella</i> spp.	Absent in 25g	FDA BAM
<i>Staphylococcus aureus</i>	Absent in 1g	BP 2015
<i>Bacillus cereus</i>	< 10 cfu/g	FDA BAM
<i>Clostridium perfringens</i>	< 10 cfu/g	AOAC 976.30

For MORETH Sdn. Bhd.

Tracy Lim

Tracy Lim
R&D Manager


Bùi Quốc Long
Tổng Giám Đốc

Ngày: 05/01/2024

TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Tên sản phẩm : TRME GO Protein+

1. Thông tin sản phẩm

Loại	Thành phẩm
Hạn sử dụng	24 tháng kể từ ngày sản xuất
Đóng gói	22g mỗi gói. 15 gói mỗi hộp.
Nước xuất xứ	Malaysia
Điều kiện bảo quản	Bảo quản ở nơi khô mát. Tránh nơi nóng và ánh nắng trực tiếp.
Hướng dẫn sử dụng	Đổ 150ml nước vào bình lắc. Thêm 1 gói và lắc mạnh cho đến khi bột tan hết.

2. Tính chất vật lý

Kiểm tra	Tiêu chuẩn
Cảm quan	Bột rời khô
Màu sắc	Bột màu nâu nhạt đến trung bình
Hương vị	Vị trà sữa trân châu
Trọng lượng tịnh mỗi gói	Tối thiểu 22g
Trọng lượng tịnh mỗi hộp	Tối thiểu 330g

3. Tính chất hóa học

Kiểm tra	Tiêu chuẩn	Phương pháp kiểm tra
Độ ẩm	$\leq 5\%$	Máy phân tích độ ẩm Hồng ngoại (5g ở 105°C trong 10 phút)
Protein	$\geq 9.5g/22g$	AOAC 972.43

4. Kim loại nặng

Chỉ tiêu	Khoảng chấp nhận	Phương pháp thử nghiệm
Asen (As)	≤ 1.0 mg/kg	ICP / AAS
Chì (Pb)	≤ 1.0 mg/kg	ICP
Thủy ngân (Hg)	≤ 0.02 mg/kg	ICP/AAS
Cadimi (Cd)	≤ 0.3 mg/kg	ICP
Antimon (Sb)	≤ 1.0 mg/kg	ICP
Thiếc (Sn)	≤ 40.0 mg/kg	ICP

5. Vi sinh vật

Chỉ tiêu	Khoảng chấp nhận	Phương pháp thử nghiệm
Tổng số lượng hiếu khí	≤ 3000 cfu/g	FDA BAM
Tổng số nấm men và nấm mốc	≤ 100 cfu/g	FDA BAM
Tổng số Coliform	≤ 10 cfu/g	AOAC 991.14
<i>Escherichia. coli</i>	Không có trong 1g	BP 2015
<i>Salmonella spp.</i>	Không có trong 25g	FDA BAM
<i>Staphylococcus aureus</i>	Không có trong 1g	BP 2015
<i>Trực khuẩn cereus</i>	< 10 cfu/g	FDA BAM
<i>Clostridium perfringens</i>	< 10 cfu/g	AOAC 976.30

Đại diện cho MORETH Sdn. Bhd.

(Đã ký)

Tracy Lim

Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Quốc Thắng

Tổng Giám Đốc

Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch

Đặng Thị Hiền Mai

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 29 tháng 06 năm 2024 (Ngày hai chín, tháng sáu, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)
Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

Trần Thị Huyền

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt .
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 02 bản chính, mỗi bản gồm 03 tờ, 03 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 13155..... Quyển số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



Trần Thị Huyền

MORETH

Date: 05/01/2024

PRODUCT SPECIFICATION

Product Name : TRME GO Protein+

1. Product Information

Type	Finished Good
Shelf life	24 months from the manufacturing date
Packing	22g per sachet. 15 sachets per unit box.
Country of Origin	Malaysia
Storage Conditions	Store in cool and dry place. Keep away from heat and direct sunlight.
Serving Direction	Pour 150ml of water in a shaker jar. Add 1 sachet and shake vigorously until all powder is dissolved.

2. Physical Properties

Tests	Specification
Appearance	Dry loose powder
Colour	Light to medium brown powder
Taste & Odor	Pearl milk tea taste
Net weight per sachet	Min. 22g
Net weight per box	Min. 330g

3. Chemical Properties

Tests	Specification	Test Method
Moisture Content	≤5%	Moisture Analyzer Infrared (5g at 105°C for 10 mins)
Protein, as is	≥9.5g/ 22g	AOAC 972.43

Page 1 of 2

MORETH

4. Heavy Metals

Parameter	Acceptable Range	Test Method
Arsenic (As)	≤ 1.0 mg/kg	ICP / AAS
Lead (Pb)	≤ 1.0 mg/kg	ICP
Mercury (Hg)	≤ 0.02 mg/kg	ICP / AAS
Cadmium (Cd)	≤ 0.3 mg/kg	ICP
Antimony (Sb)	≤ 1.0 mg/kg	ICP
Tin (Sn)	≤ 40.0 mg/kg	ICP

5. Microbe Tests

Parameter	Acceptable Range	Test Method
Total Aerobic Count	≤ 3000 cfu/g	FDA BAM
Total Yeast and Mold Count	≤ 100 cfu/g	FDA BAM
Total Coliform Count	≤ 10 cfu/g	AOAC 991.14
<i>Escherichia. coli</i>	Absent in 1g	BP 2015
<i>Salmonella</i> spp.	Absent in 25g	FDA BAM
<i>Staphylococcus aureus</i>	Absent in 1g	BP 2015
<i>Bacillus cereus</i>	< 10 cfu/g	FDA BAM
<i>Clostridium perfringens</i>	< 10 cfu/g	AOAC 976.30

For MORETH Sdn. Bhd.

Tracy Lim

Tracy Lim
R&D Manager



Bùi Quốc Cường
Tổng Giám Đốc



KT3-03299BTP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/06/2024
Page 01/03

1. Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG TRME GO PROTEIN+
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description Xem hình chụp của mẫu trang/ see the photograph of sample page: 03/03.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 06/06/2024
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 07/06/2024 - 14/06/2024
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH NU SKIN ENTERPRISES VIỆT NAM
Customer Tầng 2, 280 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02/03
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-03299BTP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

4/06/2024
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm

Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement (≥)</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng aflatoxin M1, <i>Aflatoxin M1 content</i>	µg/kg	QTTN/KT3 242:2019	0,02		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.2. Hàm lượng chì, <i>Lead content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 999.11)	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.3. Hàm lượng cadimi, <i>Cadmium content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 999.11)	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.4. Hàm lượng thủy ngân, <i>Mercury content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC 971.21)	$1,50 \times 10^{-2}$		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.5. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, <i>Total aerobic plate count</i>	CFU/g	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		$8,5 \times 10^1$
7.6. <i>E.Coli</i> ,	CFU/g	ISO 16649 – 2 : 2001	-		Nhỏ hơn $10^{(1)}$ <i>Less than</i>
7.7. <i>Staphylococcus aureus</i> ,	CFU/g	AOAC 2023 (975.55)	-		Nhỏ hơn $10^{(1)}$ <i>Less than</i>
7.8. Tổng số nấm men & nấm mốc, <i>Total yeasts & moulds</i>	CFU/g	ISO 21527-2:2008	-		Nhỏ hơn $10^{(1)}$ <i>Less than</i>
7.9. <i>Salmonella</i> spp/ 25 g		ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-		Không phát hiện <i>Not detected</i>

Ghi chú/ Note: (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

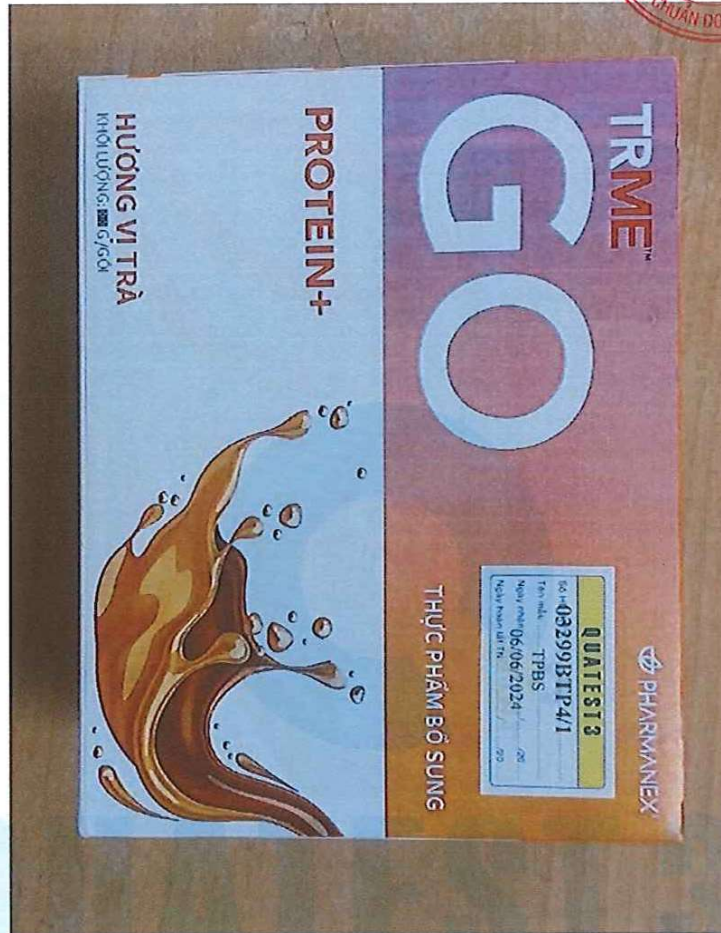
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-03299BTP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/06/2024
Page 03/03



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.